

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Tất Dũng⁽¹⁾

Trong bối cảnh giáo dục đại học ngày càng phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng, chất lượng đào tạo (CLĐT) trở thành yếu tố then chốt, quyết định uy tín, vị thế của các trường đại học. Việc đảm bảo và nâng cao CLGD không chỉ là yêu cầu tất yếu của các cơ sở đào tạo mà còn là mong muốn của người học, nhà tuyển dụng và toàn xã hội. Chính vì vậy, công tác tự đánh giá (TĐG) và kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) được xem là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm CLĐT, tạo dựng niềm tin đối với các bên liên quan (BLQ).

Tự đánh giá là quá trình cơ sở đào tạo tự xem xét, phân tích các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và dịch vụ hỗ trợ của mình theo các tiêu chuẩn nhất định. Đây là bước đi cần thiết để xác định điểm mạnh, điểm yếu, từ đó có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo. Trong khi đó, KĐCLGD là quá trình đánh giá khách quan của các tổ chức độc lập nhằm xác nhận mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đã đề ra, đảm bảo tính minh bạch và công khai trong giáo dục. Từ thực tiễn công tác TĐG tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chu kỳ 2 (giai đoạn 2019 – 2024) chúng tôi nhận thấy, vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức trong quá trình TĐG và KĐCLGD.

1. Một số khó khăn trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh

1.1. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

Công tác ĐBCLGD là nhiệm vụ chung của toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên toàn trường, nhưng trong thực tiễn vẫn còn tình trạng thiếu sự nhiệt tình, chưa thực sự quan tâm đúng mức. Một số biểu hiện cụ thể:

Không ít cán bộ, giảng viên của Trường vẫn

xem đây là công việc của lãnh đạo, của các phòng ban chức năng như Phòng Khảo thí và ĐBCLGD, thay vì nhận thức rằng CLGD là trách nhiệm chung của toàn thể cán bộ giảng viên, nhân viên và sinh viên. Điều này dẫn đến sự thiếu phối hợp trong triển khai các hoạt động ĐBCL, làm giảm hiệu quả chung;

Vẫn còn nhiều cán bộ, giảng viên, nhân viên cho rằng đây là công việc mang tính thủ tục, không ảnh hưởng trực tiếp đến chuyên môn công việc, chuyên môn giảng dạy, dẫn đến thái độ thờ ơ, chưa chủ động tham gia vào quá trình ĐBCL;

Công tác ĐBCLGD đòi hỏi sự đổi mới, cập nhật thường xuyên để phù hợp với các tiêu chuẩn và xu hướng giáo dục hiện đại. Tuy nhiên, một số cán bộ, giảng viên vẫn còn tâm lý ngại học hỏi, ngại thay đổi, không chủ động tìm hiểu về các phương pháp, tiêu chuẩn trong đánh giá và nâng cao CLGD. Điều này làm cản trở quá trình cải tiến chất lượng và hạn chế sự phát triển của trường.

Việc thực hiện các khảo sát ở các BLQ còn yếu và thiếu về nhiều mặt, Nhà trường mới chỉ tập trung khảo sát vấn đề việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Còn các vấn đề khác như chiến lược đào tạo nhân lực TDTT, nhu cầu thị trường về ngành học, mục tiêu đào tạo các ngành học, bậc học, chuẩn đầu ra... chưa được chú trọng. Ngoài ra, sự tham gia nhận xét, góp ý của người học và các BLQ như các cơ quan quản lý, tuyển dụng sinh viên,.. nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường cũng như CTĐT vẫn còn hạn chế (bảng 1). Có thể nói, sự tham gia của các BLQ đến công tác ĐBCL của nhà trường chưa thường xuyên và vẫn còn một số hạn chế, nhất là trước khi tiến hành KĐCL.

Qua bảng 1 cho thấy: Mặc dù giảng viên, cán bộ quản lý chuyên môn và nhà sử dụng lao động

⁽¹⁾ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Bảng 1. Mức độ tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ

TT	Đối tượng	Số người	Số lượt ý kiến	Tỉ lệ %
1	Cán bộ hỗ trợ và đoàn thể	26	20	76.92
2	Giảng viên không có hệ số phụ cấp chức vụ	23	43	186.96
3	Cựu sinh viên	93	59	63.44
4	Giảng viên có hệ số chức vụ (cán bộ quản lý chuyên môn)	27	53	196.30
5	Nhà sử dụng lao động	12	13	108.33
6	Người học	494	93	18.83
Tổng số		675	281	41.63

đã có nhiều ý kiến đóng góp cho công tác ĐBCL của Nhà trường (tỷ lệ đạt từ 108.33% đến 196.30%), tuy nhiên, các bên liên quan như cựu sinh viên hay sinh viên đang theo học lại có lượt ý kiến chia sẻ hạn chế.

1.2. Đầu tư các nguồn lực cho công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

Năm 2007, Trường đã thành lập Trung tâm Khảo thí và KĐCLGD với 5 thành viên, sau đó do yêu cầu về giảm thiểu các đầu mối trong Nhà trường, Trường đã ghép Trung tâm Khảo thí và KĐCLGD với Ban Thanh tra thành Phòng Khảo thí và ĐBCLGD. Phòng Khảo thí và ĐBCLGD thực hiện 3 chức năng: Khảo thí, ĐBCLGD và Thanh tra với nhân sự là 7 thành viên. Đến năm 2024 số lượng thành viên của Phòng Khảo thí và ĐBCLGD giảm xuống chỉ còn 5 người, trong đó 2 người chịu trách nhiệm về Thanh tra, 2 người chịu trách nhiệm về Khảo thí, 1 người thực hiện công tác ĐBCLGD. Như vậy có thể thấy cơ cấu tổ chức và nhân sự đảm nhận công tác ĐBCLGD còn rất mỏng.

Căn cứ theo yêu cầu của KĐCLGD, trong một CSGD phải có ít nhất 1 kiểm định viên, tuy nhiên từ khi thành lập Phòng Khảo thí và ĐBCLGD đến tháng 6/2024, Nhà trường mới cử 01 người đi học bồi dưỡng kiểm định viên. Như vậy, có thể thấy việc đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ KĐCLGD còn hạn chế.

Đối với việc xây dựng mạng lưới ĐBCL của Trường: Năm 2023 Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập mạng lưới ĐBCL ở các đơn vị (mỗi đơn vị có 1 người phụ trách về

ĐBCL). Tuy nhiên, do chưa xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách hoạt động cụ thể đã làm cho mạng lưới thiếu hiệu quả trong quá trình hoạt động.

1.3. Công tác quản lý hành chính, văn thư lưu trữ

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công cũng như phản ánh khách quan, chính xác, trung thực và hỗ trợ đắc lực cho công tác TĐG và KĐCL chính là hệ thống các dữ liệu thuyết minh kèm theo. Tuy nhiên, đây lại là vấn đề còn nhiều khó khăn, hạn chế do công tác quản lý hành chính, văn thư lưu trữ còn nhiều yếu kém: Các văn bản, quyết định, kế hoạch của cấp trên và của Trường được lưu trữ theo năm và chưa được phân loại theo tính chất công việc và thiếu quy trình lưu trữ khoa học. Việc sắp xếp, quản lý hồ sơ, tài liệu chưa được thực hiện một cách hệ thống, dẫn đến khó khăn trong tra cứu và sử dụng khi cần thiết. Nhiều văn bản chỉ đạo của cấp trên được giao trực tiếp cho đơn vị triển khai thực hiện hoặc các văn bản ở các khoa, các đơn vị ban hành ra cũng không được lưu trữ.... chính vì thế, việc tìm kiếm, tra cứu văn bản rất khó khăn. Bên cạnh đó, công tác số hóa, ứng dụng công nghệ trong lưu trữ còn chưa được chú trọng, gây ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý hành chính, làm giảm tính chuyên nghiệp và sự thuận tiện trong công tác nghiên cứu.

1.4. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong nội bộ Trường

Công tác ĐBCL là công việc chung của tất cả các cá nhân, đơn vị trong Nhà trường. Tuy nhiên, do mỗi đơn vị đảm nhiệm những nhiệm



Công tác kiểm định chất lượng giáo dục luôn là nhiệm vụ chung của toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên và sinh viên Nhà trường

vụ khác nhau hoặc cách thức tổ chức công việc khác nhau dẫn đến những khó khăn khi phối hợp thực hiện hoạt động KĐCL. Ví dụ, sự khác biệt trong điều hành hoạt động giữa các phòng ban, các khoa, tổ chuyên môn hay các tổ chức đoàn thể trong trường sẽ tác động đến đối tượng người học khác nhau. Vì thế, khi thực hiện kế hoạch TĐG và KĐCL, kế hoạch khắc phục những tồn tại hạn chế sau kiểm định, dù được Hội đồng TĐG và Nhà trường giao nhiệm vụ cụ thể, các thành viên phụ trách công tác KĐ đã gặp nhiều khó khăn khi làm việc với các đơn vị khác nhau trong trường.

2. Đề xuất một số giải pháp khắc phục những khó khăn trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Để khắc phục những khó khăn, yếu kém đã trình bày ở trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

2.1. Nâng cao nhận thức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Để nâng cao nhận thức về công tác KĐCLGD trong Trường đại học TĐTT Bắc Ninh, cần triển khai đồng bộ các biện pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong hoạt động đào tạo: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm, tập huấn chuyên sâu về KĐCLGD cho cán bộ, giảng viên; Phổ biến các văn bản quy định, tiêu chuẩn KĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các tổ chức KĐ quốc tế; Xây dựng tài liệu hướng dẫn, infographics, video truyền thông để nâng cao nhận thức về vai

trò và lợi ích của KĐCL.

- Đưa nội dung KĐCL vào CTĐT và hoạt động của Nhà trường: Lồng ghép các kiến thức về ĐBCLGD vào CTĐT để bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, đặc biệt là các ngành học liên quan đến quản lý giáo dục; Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, câu lạc bộ học thuật về KĐCLGD; Xây dựng văn hóa ĐBCL trong toàn trường, từ công tác giảng dạy, nghiên cứu đến các dịch vụ hỗ trợ sinh viên.

- Ứng dụng công nghệ trong KĐ và truyền thông: Xây dựng cổng thông tin nội bộ về KĐCL, cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu tham khảo; Sử dụng mạng xã hội, email nội bộ, website của Trường để cập nhật các hoạt động KĐ và ĐBCL; Áp dụng phần mềm quản lý KĐ để giúp các đơn vị dễ dàng theo dõi, đánh giá và cải thiện CLĐT.

- Khuyến khích sự tham gia của giảng viên, sinh viên và nhân viên: Phát động phong trào thi đua về ĐBCLGD trong các khoa, phòng, ban; Khuyến khích sinh viên tham gia quá trình đánh giá CTĐT, góp ý cải tiến chất lượng giảng dạy và dịch vụ hỗ trợ; Xây dựng cơ chế khen thưởng, ghi nhận những cá nhân, đơn vị có đóng góp tích cực trong công tác KĐCL.

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức kiểm định trong và ngoài nước: Hợp tác với các cơ quan KĐ uy tín để nâng cao chất lượng CTĐT theo chuẩn quốc tế; Tạo cơ hội cho giảng viên và cán bộ quản lý tham gia các chương trình tập huấn, trao đổi kinh nghiệm với các trường đại học khác về công tác KĐ.

2.2. Tăng cường đầu tư các nguồn lực về đảm bảo và kiểm định chất lượng

Với những hạn chế về đội ngũ phụ trách công tác KĐCL, giải pháp khắc phục vấn đề này là cần quan tâm hơn nữa đối với công tác TĐG, ĐBCL thông qua việc hoàn chỉnh hệ thống đảm bảo, quản lý chất lượng; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách. Bên cạnh việc cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiểm định viên và thi kiểm định viên cần thường xuyên tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo về KĐCL CSGD và KĐ CTĐT. Những việc này sẽ góp phần củng cố và xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong một cách vững chắc và hiệu quả.

2.3. Xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Để nâng cao CLGD một cách bền vững, Trường cần xây dựng kế hoạch ĐBCL theo ba giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Mỗi giai đoạn sẽ có những mục tiêu và giải pháp cụ thể nhằm cải thiện CLĐT, NCKH và dịch vụ hỗ trợ sinh viên.

Xây dựng kế hoạch ngắn hạn với mục tiêu: Củng cố nền tảng, chuẩn hóa quy trình ĐBCL và nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, sinh viên; Thành lập hoặc kiện toàn bộ phận ĐBCL; Xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn, quy trình nội bộ về ĐBCLGD theo các tiêu chuẩn KĐ trong nước và quốc tế; Tổ chức tập huấn, hội thảo để nâng cao nhận thức và năng lực về KĐCL cho cán bộ, giảng viên...

Xây dựng kế hoạch trung hạn với mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống ĐBCL, nâng cao hiệu quả đào tạo và NCKH. Bằng cách: Tiếp tục cải tiến CSGD, CTĐT theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tế và hội nhập quốc tế; Xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá chất lượng giảng dạy và học tập một cách khoa học, khách quan; Phát triển hệ thống quản lý chất lượng dựa trên dữ liệu, ứng dụng công nghệ để theo dõi và phân tích các chỉ số ĐBCL; Tăng cường hợp tác với các tổ chức KĐ và trường đại học trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm và nâng cao chuẩn chất lượng; Thực hiện KĐCL cấp chương trình và cấp cơ sở đào tạo theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Xây dựng kế hoạch dài hạn với mục tiêu: Đạt chuẩn KĐCLGD quốc tế, xây dựng thương hiệu

trường đại học uy tín. Bằng cách: Hoàn thiện hệ thống ĐBCL theo chuẩn quốc tế như AUN-QA, ABET, AACSB...; Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tăng tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sĩ và trình độ ngoại ngữ tốt; Đẩy mạnh NCKH, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ; Mở rộng hợp tác quốc tế, tham gia các bảng xếp hạng đại học uy tín thế giới; Xây dựng hệ thống KĐ và ĐBCLGD mang tính bền vững, giúp trường đạt vị thế cao trong hệ thống giáo dục đại học.

Việc xây dựng kế hoạch ĐBCLGD theo lộ trình ngắn hạn, trung hạn và dài hạn giúp Nhà trường có chiến lược phát triển rõ ràng, từng bước nâng cao CLĐT và hội nhập với tiêu chuẩn quốc tế. Điều này không chỉ góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Trường mà còn mở rộng cơ hội tìm việc làm cho sinh viên, góp phần tích cực phát triển sự nghiệp TĐTT nước ta ./.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Thị Phương Anh (2018), *Những thách thức trong việc xây dựng văn hóa chất lượng trong các trường đại học tại Việt Nam*. https://document.site/download/nhung-thach-thuc-trong-viec-xay-dung-van-hoa-chat-luong-trong-cac_pdf

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Quyết định số 814/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2024 về Kế hoạch triển khai Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022-2030”*.

3. Nguyễn Hữu Cương (2018), “Các yếu tố thuận lợi và khó khăn khi thực hiện Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2017-2020”. *Tạp chí Khoa học ĐHSPhN: Khoa học giáo dục*, Vol. 63, Iss. 2, pp. 17-26. DOI: 10.18173/2354-1075.2018-0002.

4. Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh (2024), *Báo cáo tự đánh giá cơ sở giáo dục giai đoạn 2019 - 2024*.

1. Ban biên tập

79 năm Thể dục, thể thao Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

4. Trương Quốc Uyên

Phát huy tính nhân văn của nền văn hóa thể thao Việt Nam

6. Trương Anh Tuấn; Nguyễn Tôn Hoài

Về một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hạn chế yếu kém của Thể dục thể thao nước ta và phương hướng khắc phục

BÀI BÁO KHOA HỌC

9. Đỗ Hữu Trường; Lưu Đình Tài

Đề xuất giải pháp phát triển nguồn lực tài chính trong hoạt động thể thao mạo hiểm tại Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ

14. Nguyễn Văn Phúc; Nguyễn Công Hòa

Ứng dụng phương pháp tập luyện vòng tròn nâng cao thành tích nội dung vượt vật cản của học viên năm thứ 2, Trường Sĩ quan lục quân 1

19. Nguyễn Thái Huy Vũ

Đánh giá chất lượng giáo dục thể chất đối với một số trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương thông qua bộ câu hỏi QPE

27. Lê Cát Nguyên; Nguyễn Khoa Minh Duy

Xây dựng bộ tiêu chuẩn đánh giá tác động của công tác giáo dục thể chất đến sức khỏe thể chất của học sinh tiểu học

34. Đặng Đình Dũng

Thực trạng thể chất của học sinh các trường tiểu học một số quận, huyện Thành phố Hà Nội

41. Phùng Kim Giang

Lựa chọn bài tập huấn luyện thể lực chuyên môn cho nữ vận động viên Vật tự do lứa tuổi 16 – 17 Đội tuyển trẻ Quốc gia

46. Ngô Trung Kiên; Lưu Ngọc Thanh Trâm

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả kỹ thuật đá ngang (Yeop Chagi) cho vận động viên biểu diễn môn Taekwondo

50. Phan Thanh Mỹ; Bùi Thiện Mến; Hồ Văn Cường

Đánh giá bài tập phát triển sức mạnh bật nhảy nâng cao hiệu quả đập bóng cho đội tuyển Bóng chuyền nữ sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing

55. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thế Ngọc

Thực trạng sự hài lòng của sinh viên với hoạt động đào tạo chuyên ngành Võ – Quyền anh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

61. Lưu Thị Như Quỳnh; Vũ Minh Cường

Ảnh hưởng của chạy bộ đến điều nhiệt cơ thể trong môi trường nóng

67. Nguyễn Văn Hòa; Nguyễn Tất Tài

Đánh giá chất lượng giảng dạy học phần Công tác quốc phòng và an ninh tại Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

74. Nguyễn Tất Dũng

Một số vấn đề về tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

78. Nguyễn Ngọc Quý

Bài tập thể lực tăng sức bền mạnh

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

1. Editorial board

79 years of Vietnamese Sports under the leadership of the Party and State

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

Promoting the humanity of Vietnamese sports culture

6. Truong Anh Tuan; Nguyen Ton Hoai

On some basic causes leading to the weaknesses of our country's Sports and solutions

ARTICLES

9. Do Huu Truong; Luu Dinh Tai

Proposing solutions to develop financial resources in adventure sports activities in the Northern Midlands and Mountains

14. Nguyen Van Phuc; Nguyen Cong Hao

Application of circle training method to improve obstacle overcoming performance of second-year students, Army officer School 1

19. Nguyen Thai Huy Vu

Assessing the quality of physical education for some schools in Ho Chi Minh City and Binh Duong province through the QPE questionnaire

27. Le Cat Nguyên; Nguyen Khoa Minh Duy

Building a set of standards to assess the impact of physical education on the physical health of primary school students

34. Dang Dinh Dung

Physical status of primary school students in some districts of Hanoi City

41. Phung Kim Giang

Selecting specialized physical training exercises for female Freestyle wrestlers aged 16-17 Team national youth

46. Ngo Trung Kien; Luu Ngoc Thanh Tram

Selected exercises to improve the effectiveness of side kick technique (Yeop Chagi) for Taekwondo performers

50. Phan Thanh My; Bui Thien Men; Ho Van Cuong

Evaluation of exercises to develop jumping strength and improve ball hitting efficiency for the female volleyball team of the University of Finance and Marketing

55. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen The Ngoc

Current status of student satisfaction with training activities in Martial Arts - Boxing, Bac Ninh Sports University

61. Luu Thi Nhu Quynh; Vu Minh Cuong

Effects of jogging on body thermoregulation in hot environments

67. Nguyen Van Hoa; Nguyen Tat Tai

Evaluation of the quality of teaching the subject of national defense and security at the Center for National Defense and Security Education

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

74. Nguyen Tat Dung

Some issues on self-assessment and accreditation of educational quality at Bac Ninh Sports University

78. Nguyen Ngoc Quy

Strong endurance exercise

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

p-ISSN 1859-4417
e-ISSN 3030-4822

Số 2 -2025
(84)

